

Số: 02/2023/QĐST-HNGĐ
Ngày 03-4-2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Ngọc Hà.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội đã mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2023/TLST ngày 03 tháng 03 năm 2023 về việc yêu cầu: “Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2023, giữa:

Những người yêu cầu:

1. Anh Lưu Đức Q, sinh năm 1975.

ĐKKHKT: Phường T, quận H, Hà Nội.

Nơi ở: Phường K, quận Đ, Hà Nội.

2. Chị Vũ Thị Kim O, sinh năm 1975.

ĐKKHKT và trú tại: Ngõ 89 đường L, tổ 10 phường N, quận C, Hà Nội.

(Anh Q có mặt, chị O vắng mặt).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy nhận định:

Tại quyết định công nhận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 272/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thành phố Hà Nội đã công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lưu Đức Q và chị Vũ Thị Kim O. Ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con của anh Lưu Đức Q và chị Vũ Thị Kim O, giao cháu Lưu Vũ Hà C (nữ) sinh ngày 09/12/2003 và cháu Lưu Đức A (nam) sinh ngày 22/01/2010 cho chị Vũ Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lưu Đức Q thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/1 tháng/ 02 con kể từ tháng 07/2018. Anh Q được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Nay theo nguyện vọng của con chung và để thuận tiện cho việc học hành, chăm sóc con chung nên anh Lưu Đức Q và chị Vũ Thị Kim O thống nhất giao lại cháu Đức A cho anh Lưu Đức Q trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu C đã trưởng thành trên 18 tuổi, việc ở với ai là do cháu quyết định.

Về lệ phí giải quyết: Anh Lưu Đức Q tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên họp trình bày quan điểm: Xét anh Lưu Đức Q và chị Vũ Thị Kim O đã thống nhất với nhau về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Việc anh Q, chị O yêu cầu việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh chị.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 88, 101, 102 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.
- Khoản 3 Điều 29, khoản 2 Điều 35, điểm i khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 212; Điều 213; Điều 361; Điều 370; Điều 371; Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Công nhận sự thỏa thuận của cha mẹ về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn giữa anh Lưu Đức Q và chị Vũ Thị Kim O như sau:

Anh Lưu Đức Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lưu Đức A, sinh ngày 22/01/2010 kể từ ngày 03 tháng 4 năm 2023 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Chị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về lệ phí: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Q chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, Hà Nội theo biên lai số 0019240 ngày 02/3/2023.

3. ***Về quyền kháng cáo:*** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.Cầu Giấy;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Hà

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 3 năm 2023.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Thiệm.

Bà Nguyễn Thị Tâm.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 545/2022/TLST - HNGĐ ngày 01/11/2022 về Tranh chấp ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: **Anh Phùng Minh Dũng**, sinh năm 1975.

ĐKKHKT và trú tại: Số 14 ngõ 5 Phạm Thận Duật, tổ 3, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội. (Có mặt)

Bị đơn: **Chị Nguyễn Hiền Trinh**, sinh năm 1981.

ĐKKHKT và nơi cư trú cuối cùng: Số 14 ngõ 5 Phạm Thận Duật, tổ 3, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội. (Vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

I/ Về điều luật áp dụng :

- Điều 19, điều 51, điều 53, Khoản 1 Điều 56, điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

II/ Xử:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 19, điều 51, điều 53, Khoản 1 Điều 56, điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phùng Minh Dũng đối với chị Nguyễn Hiền Trinh. Anh Dũng được ly hôn chị Trinh.

2. **Về con chung:** Anh Phùng Minh Dũng và chị Nguyễn Hiền Trinh có 02 con chung là Phùng Gia Hân (nữ), sinh ngày 13/9/2008 và Phùng Gia Bảo (nam), sinh ngày 09/7/2010. Ly hôn giao cả 02 con chung cho anh Dũng trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Trinh đến khi anh Dũng có yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác của pháp luật.

Chị Trinh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Dũng có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị Trinh nếu chị Trinh lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. **Về tài sản chung** (động sản, bất động sản) và các khoản nợ (nếu có): Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. **Về án phí:** Anh Phùng Minh Dũng phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0018861 ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Xác nhận anh Dũng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Dũng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trinh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 10 tháng 3 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

TTRINH NH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 5 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, tTrinhnh phố Trinh Nội.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đông.

Bà Bùi Thị Minh Hoa.

Tiến Trinhnh thảo luận vụ án dân sự thụ lý số 81/2018/TLST - HNGĐ ngày 05/2/2018 về Tranh chấp ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: **Anh Vũ Thế Dũng**, sinh năm 1972; ĐKNKTT: Số 104-N2, tập thể K83, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Trinh Nội; Nơi ở hiện tại: Số 75, ngõ 381, đường Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Trinh Nội. (Có mặt).

Bị đơn: **Chị Bùi Thanh Trinh**, sinh năm 1974; ĐKNKTT và nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Số 104-N2, tập thể K83, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Trinh Nội. (Vắng mặt).

Héi @ảng @· tiỐn hựnh th¶lo luỄn nh- sau:

- HTND Nguyễn Văn Đông: T¶i phiªn t¶a h«m nay b¶ @-n v¼ng mÆt không có lý do lần thứ nhất. §Ó @¶m b¶lo quyÒn l¶i cho c,c @-ng sù nªn t«i @Ò ngh¶ ho·n phiªn t¶a.

- HTND B¶i Th¶ Minh Hoa: T«i hợp toạ nhÊt trÝ v¶i @Ò ngh¶ c¶a Héi thÈm §«ng, t«i @Ò ngh¶ ho·n phiªn t¶a.

ThÈm ph,n: Do b¶ @-n v¼ng mÆt lÇn thø nhÊt kh«ng c¶ lý do. §Ó @¶m b¶lo quyÒn l¶i c¶a @-ng s-.

C¶n cơ vựo @iÒu 227, 233, 235 Bé luỄt tè tōng d©n sù quyỐt @¶nh ho·n phiªn t¶a.

Héi @ảng thềnh nhÊt quyỐt @¶nh:

1. Ho·n phiªn t¶a xĐt xõ s- thÈm vớ ,n d©n sù thô lý sè 81/2018/TLST - HNGĐ ngày 05/2/2018 về Tranh chấp ly hôn, giữa anh Vũ Thế Dũng và chị Bùi

Thanh Trinh.

2. Vô ,n sĩ ®-íc tiỔp tôc ®-a ra xĐt xõ vµo hải 08h30 ngày 16/2/2023.

KỔt qu¶ biỚu quyỔt: $3/3 = 100\%$.

Thảo luận kết thúc vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 1 năm 2023.

Biên bản thảo luận đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Hà

BIÊN BẢN HÒA GIẢI

Hôm nay, hồi 14 giờ 30 phút ngày 10 tháng 5 năm 2018

Tại: Trụ sở Toà án nhân dân quận Cầu Giấy.

Bắt đầu tiến Trìnhnh phiên hoà giải để các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 81/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018 về việc: xin ly hôn.

I. Những người tiến Trìnhnh tố tụng

Thẩm phán - Chủ trì phiên hoà giải: Bà Lê Thị Ngọc Trinh.

Thư ký Toà án ghi biên bản hoà giải: Bà Phạm Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

II. Những người tham gia phiên hoà giải:

Nguyên đơn: **Anh Vũ Thế Dũng**, sinh năm 1972

ĐKNKTT: Số 104-N2, tập thể K83, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Trinh Nội.

Nơi ở: Số 75, ngõ 381, đường Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Trinh Nội.

Bi đơn: **Chị Bùi Thanh Trinh**, sinh năm 1974.

ĐKNKTT: Số 104-N2, tập thể K83, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Trinh Nội.

PHẦN THỦ TỤC BẮT ĐẦU PHIÊN HOÀ GIẢI

Thư ký Toà án báo cáo về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên hoà giải đã được Tòa án thông báo.

Thư ký báo cáo: anh Vũ Thế Dũng có mặt, chị Bùi Thanh Trinh vắng mặt.

Thẩm phán chủ trì phiên hoà giải kiểm tra lại sự có mặt và căn cước của những người tham gia phiên hoà giải.

Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải phổ biến cho các đương sự biết các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết việc Ly hôn để các bên liên quan liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình, phân tích hậu quả pháp lý của việc hòa giải để họ tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết việc ly hôn.

PHẦN TRÌNH BÀY CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Anh Vũ Thế Dũng trình bày:

- **Về tình cảm**: Tôi và chị Bùi Thanh Trinh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Điện Biên, quận Ba Đình, Trinh Nội ngày 24/4/1997. Sau khi kết hôn chúng tôi về chung sống với nhau tại địa chỉ Số 104-N2, tập thể K83, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Trinh Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn từ năm 2007. Nguyên nhân mâu thuẫn của chúng tôi chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách. Chị Trinh đã bỏ đi khỏi nTrinh từ năm 2017 đến nay không rõ địa chỉ. Tôi đã làm đơn yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và được Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý giải quyết. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Trinh.

- **Về con chung**: Tôi và chị Trinh có 01 con chung là Vũ Hoàng Long, sinh năm 1997. Từ thời điểm bỏ đi khỏi nTrinh năm 2007, vợ tôi đã mang theo cháu Vũ Hoàng Long đi cùng.

- **Về tài sản chung và nTrinh ở chung** (động sản và bất động sản): Tôi và chị Trinh không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ:** Tôi và chị Trinh không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Tôi tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn.

Ngoài ra, anh Dũng không trình bày gì thêm và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Biên bản kết thúc, các đương sự đó tự đọc lại biên bản, xác nhận biên bản ghi đúng, nhất trí và ký tên.

Nơi nhận:

- TAND TP.Cầu Giấy;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- UBND phường Đồng Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Trinh

Tuy nhiên, chị Liên thừa nhận đã giữ khoảng 1 cây vàng do bên gia đình chị mừng đám cưới và xác nhận đã sử dụng để chi trả cho việc bên gia đình chị tổ chức đám cưới cho chị. Số vàng mừng đám cưới còn lại do bên gia đình anh Trọng giữ, điều này đã được bà Lê Thị Kim Ngọc là mẹ đẻ anh Trọng thừa nhận và bà cho biết số tiền, vàng bên nTrình bà mừng đám cưới anh Trọng, đã được bà chi dùng để trang trải cho đám cưới anh Trọng hết, chị Liên không giữ số vàng tiền, vàng mừng đám cưới.

Đối với số tiền 43.000.000 đ trong sổ tiết kiệm của vợ chồng, chị Liên cũng thừa nhận chị đã giữ. Tuy nhiên nguồn gốc số tiền này là do chị tích cóp được, anh Trọng không đóng góp gì nên khi vợ chồng sống ly thân, chị đã sử dụng số tiền này để trang trải cuộc sống của hai mẹ con chị. Điều này cũng được bà Ngọc mẹ đẻ anh Trọng xác nhận, bà cho biết số tiền trong sổ tiết kiệm theo lời khai của anh Trọng là tiền cá nhân của chị Liên do buôn bán mà có, anh Trọng không có đóng góp gì.

Tuy nhiên, chị Liên thừa nhận đã giữ khoảng 1 cây vàng do bên gia đình chị mừng đám cưới và xác nhận đã sử dụng để chi trả cho việc bên gia đình chị tổ chức đám cưới cho chị. Số vàng mừng đám cưới còn lại do bên gia đình anh Trọng giữ, điều này đã được bà Lê Thị Kim Ngọc là mẹ đẻ anh Trọng thừa nhận và bà cho biết số tiền, vàng bên nTrình bà mừng đám cưới anh Trọng, đã được bà chi dùng để trang trải cho đám cưới anh Trọng hết, chị Liên không giữ số vàng tiền, vàng mừng đám cưới.

Đối với số tiền 43.000.000 đ trong sổ tiết kiệm của vợ chồng, chị Liên cũng thừa nhận chị đã giữ. Tuy nhiên nguồn gốc số tiền này là do chị tích cóp được, anh Trọng không đóng góp gì nên khi vợ chồng sống ly thân, chị đã sử dụng số tiền này để trang trải cuộc sống của hai mẹ con chị. Điều này cũng được bà Ngọc mẹ đẻ anh Trọng xác nhận, bà cho biết số tiền trong sổ tiết kiệm theo lời khai của anh Trọng là tiền cá nhân của chị Liên do buôn bán mà có, anh Trọng không có đóng góp gì.

Tòa án đã nhiều lần hòa giải cho vợ chồng tôi, tôi giữ nguyên lời khai tại buổi hòa giải ngày 24/01/2018.

- **Về tình cảm:** Tôi và anh Trọng mâu thuẫn đã trầm trọng, đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ tháng 9 năm 2017 đến nay. Nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trọng.

- **Về con chung:** Tôi và anh Trọng có 01 con chung là Hoàng Lê Gia Hưng (nam) sinh ngày 15/8/2015. Ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giao cho tôi được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hưng. Tôi không yêu cầu anh Trọng phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Thu nhập bình quân của tôi là khoảng 8.000.000 đồng/tháng.

Trong trường hợp anh Trọng được quyền nuôi con chung, ý kiến của tôi là ai nuôi con người đó có trách nhiệm, bên kia không phải cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nTrình ở chung** (động sản và bất động sản): Tôi và anh Trọng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ:** Tôi và anh Trọng không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Lý Trọng trình bày:

- **Về tình cảm:** Tòa án đã nhiều lần hòa giải vợ chồng tôi và tạo điều kiện để hai vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên, tình cảm hai vợ chồng không Trinhn gắn được do tôi không gặp được chị Liên. Tôi chỉ đồng ý ly hôn nếu chị Liên thực hiện yêu cầu của tôi là để cháu Hưng về ăn Tết 2018 với ông bà nội, tuy nhiên, chị Liên đã không thực hiện theo yêu cầu của tôi nên tôi không đồng ý ly hôn.

- **Về con chung:** Tôi và chị Liên có 01 con chung là Hoàng Lê Gia Hưng (nam) sinh ngày 15/8/2015. Ly hôn, tôi cũng đề nghị Tòa án giao cháu Hưng cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Tôi không yêu cầu chị Liên cấp dưỡng nuôi con do chị Liên không có công việc ổn định, thu nhập không đảm bảo để nuôi dưỡng con tôi.

Thu nhập bình quân của tôi là 9.900.000 đồng/tháng.

- **Về tài sản chung và nTrình ở chung** (động sản và bất động sản): Tôi và chị Liên sau khi cưới nhau, được gia đình hai bên tặng chung vợ chồng khoảng hơn 100.000.000 đồng tiền mừng và 2,8 cây vàng; ngoài ra vợ chồng tôi có số tiền trong sổ tiết kiệm chung là 43.000.000 đồng. Đối với số tiền hơn 100.000.000 đồng, tôi không có yêu cầu gì. Đối với số vàng 2,8 cây vàng và số tiền 43.000.000 đồng trong sổ tiết kiệm, nếu chị Liên không thực hiện những yêu cầu của tôi là để cháu Hưng về ăn Tết 2018 với ông bà nội, tôi không có yêu cầu gì. Tuy nhiên, chị Liên đã không thực hiện theo yêu cầu của tôi nên tôi yêu cầu Tòa án chia số vàng 2,8 cây vàng và số tiền 43.000.000 đồng trong sổ tiết kiệm cho hai vợ chồng tôi theo quy định của pháp luật. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu tôi giao nộp chứng cứ chứng minh số vàng 2,8 cây vàng và số tiền 43.000.000 đồng trong sổ tiết kiệm là tài sản chung vợ chồng, tuy nhiên, tôi chưa cung cấp được cho Tòa án.

- **Về nợ:** Tôi và chị Liên không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Kim Liên trình bày:

- **Về tài sản chung:** Số vàng mừng đám cưới của hai vợ chồng tôi tôi chỉ giữ khoảng hơn 01 cây vàng phía bên họ Trinhng nTrình tôi mừng và đã được chị dùng trong cuộc sống Trinhng ngày, còn số vàng bên họ Trinhng nTrình anh Trọng mừng do bố mẹ chồng giữ, tôi không biết là bao nhiêu. Ngoài ra trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 43.000.000 đồng gửi tiết kiệm và tôi đã cầm theo để trang trải cuộc sống cho hai mẹ con tôi khi vợ chồng ly thân. Hiện nay, số tiền 43.000.000 đồng và hơn 01 cây vàng đã được tiêu dùng hết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Bà Đào Thị Liên trình bày: Tôi đồng ý với ý kiến của chị Nguyễn Thị Kim Liên và không bổ sung gì thêm.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

Lê Thị Ngọc Trinh

VÒ tại s¶n chung (®éng s¶n vµ bÊt ®éng s¶n): Ch¶ T©n, anh C-êng ®Òu x,c nhËn vî ch¶ng tù tháa thuËn g¶i quyÕt, kh«ng yªu cÇu T¶a ,n gi¶i quyÕt nªn toµ kh«ng xÐt.

VÒ nî: Ch¶ T©n, anh C-êng ®Òu x,c nhËn kh«ng yªu cÇu T¶a ,n gi¶i quyÕt nªn toµ kh«ng xÐt.

VÒ ,n phÝ: Ch¶ T©n tù nguyÖn ch¶u c¶ ,n phÝ ly h«n.

V× c,c lĩ trªn!

QuyÕt ®Þnh

C”n cø :

- Kho¶n 1 ®iÒu 56, 58, 82, 83 LuËt h«n nh©n vµ gia ®×nh.
- §iÒu 128, ®iÒu 131, ®iÒu 199, ®iÒu 243, kho¶n 1 ®iÒu 245 BL TTDS
- Kho¶n 9 §iÒu 27 Ph,p lÖnh sè 10 vÒ ,n phÝ, lÖ phÝ Toµ ,n.

1. ChÊp nhËn ®-n khêi kiÖn vÒ viÖc xin ly h«n cña ch¶ NguyÔn Th¶ T©n. Ch¶ NguyÔn Th¶ T©n ®-íc ly h«n anh NguyÔn Tèng C-êng.

2. VÒ con chung: X,c nhËn vî ch¶ng anh C-êng vµ ch¶ NguyÔn Th¶ T©n cũ 02 con chung lµ NguyÔn Th¶ Kh,nh Linh (n÷) sinh ngµy 11/11/2001 vµ NguyÔn Quính Nga (n÷) sinh ngµy 28/4/2009. Ly h«n giao cho ch¶ T©n trùc tiÕp nu«i d-ìng c¶ hai con chung. Ghi nhËn sù tù nguyÖn cña ch¶ T©n kh«ng yªu cÇu anh C-êng ®ãng gáp tiÒn cÊp d-ìng nu«i con chung cho ®Õn khi ch¶ T©n cũ yªu cÇu.

Anh C-êng cã quyÒn, nghÜa vô th¬m nom con chung mµ kh«ng ai ®-íc c¶n trë.

3. VÒ tui s¶n chung: (gãm ®éng s¶n vµ bÊt ®éng s¶n): ChÞ NguyÔn ThÞ T©n vµ anh NguyÔn Tèng C-êng ®Òu x,c nhËn tù tháa thuËn gi¶i quyÕt, kh«ng yªu cÇu T¶a ,n gi¶i quyÕt nªn toµ kh«ng xem xÐt gi¶i quyÕt.

4 .VÒ nê chung: ChÞ NguyÔn ThÞ T©n vµ anh NguyÔn Tèng C-êng ®Òu x,c nhËn kh«ng yªu cÇu T¶a ,n gi¶i quyÕt nªn toµ kh«ng xem xÐt gi¶i quyÕt.

5. VÒ ,n phÝ: Ghi nhËn sù tù nguyÖn cña chÞ NguyÔn ThÞ T©n chÞu c¶ 200.000 ®ång ,n phÝ h«n nh©n gia ®×nh s¬ thÈm. §-íc trë vµo 200.000 ®ång tiÒn t¹m øng ,n phÝ ®· nép t¹ biªn lai sè 0003195 ngµy 29/09/2015 cña chi c thi hµnh ,n d©n sù quËn §èng §a.

,n x c«ng khai s¬ thÈm. §-ng sù cã quyÒn kh,ng c,o b¶n ,n trong h¹n 15 ngµy kÓ t ngµy tuyªn ,n. §-ng sù v³ng mÆt cã quyÒn kh,ng c,o b¶n ,n trong h¹n 15 ngµy kÓ t ngµy nhËn ®-íc tèng ®¹t híp l b¶n ,n.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
TTRINH NH PHÓ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST

Ngày 01-8-2017

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, TTRINH NH PHÓ HẢI PHÒNG

- TTrinhnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Xuân Hiểu

Bà Nguyễn Thị Phin.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Hữu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, tTrinhnh phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, tTrinhnh phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, tTrinhnh phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị An, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 177 Phan Bội C, phường Phan Bội C, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn Điều, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 177 Phan Bội C, phường Phan Bội C, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 3 năm 2016 và được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai ngày 28 tháng 3 năm 2017, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị An trình bày:

Chị (Nguyễn Thị An) và anh Phạm Văn Điều kết hôn từ năm 2012, do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phan Bội C, quận Hồng Bàng, tTrinhnh phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng ngay từ đầu đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và không có hạnh phúc. Nguyên nhân chính do phía anh Điều mắc nhiều tệ nạn, không tu chí làm ăn, không quan tâm gia đình vợ con. Chị An luôn sống trong bạo lực gia đình và thường xuyên bị Trinhnh hung. Mặc dù đã được gia đình nhiều lần động viên hòa giải và bản thân chị An cũng đã cố chịu đựng để mong anh Điều thay đổi nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể Trinhnh gấn được, nên chị An yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Điều theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị An và anh Điều có 01 con chung là Nguyễn Diệu Anh, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2013. Ly hôn, chị An có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng tTrinhnh, đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Điều đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị An đề nghị Tòa án để hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19 tháng 4 năm 2017, bị đơn là anh Phạm Văn Điều trình bày:

Anh (Phạm Văn Điều) và chị An kết hôn từ năm 2012, do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phan Bội C, quận Hồng Bàng, tTrinhnh phố Hải Phòng. Thời gian

đầu, vợ chồng chung sống bình thường, hòa thuận, nhưng hai năm trở lại đây, giữa hai bên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh không tu chí làm ăn, tụ tập chơi bời, thiếu quan tâm tới gia đình, vợ con. Bản thân chị An thì không khéo léo và luôn cáu gắt với anh nên nhiều khi anh không giữ được bình tĩnh mới xảy ra va chạm. Mặc dù đã được gia đình nhiều lần động viên, hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn không được cải thiện. Tuy nhiên, anh Điều vẫn mong muốn vợ chồng Trinh gắn, tạo điều kiện cho anh sửa chữa sai lầm để vợ chồng được đoàn tụ, hạnh phúc cùng nhau nuôi dưỡng con chung trưởng tTrinhnh.

Về con chung: Anh Điều xác nhận hai bên có 01 con chung là Nguyễn Diệu Anh, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2013. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh Điều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng tTrinhnh, đủ 18 tuổi. Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung sẽ do hai bên tự thỏa thuận và thực hiện với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tài sản chung giữa hai bên không có gì đáng kể nên anh Điều đề nghị Tòa án để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, tTrinhnh phó Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp tTrinhnh yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

Nguyên đơn vắng mặt nhưng đều có đơn và có lý do chính đáng; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị An về việc đề nghị Toà án giải quyết chị được ly hôn anh Phạm Văn Điều; về con chung: Giao con chung là Nguyễn Diệu Anh, sinh năm 2013 cho chị An trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng tTrinhnh, đủ 18 tuổi. Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị An không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung: Hai bên đều đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: Chị An phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến phiên tòa. Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị An vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Phạm Văn Điều vắng

mặt không có lý do. Anh Điều không có yêu cầu phản tố và đã có bản tự khai trình bày các quan điểm, yêu cầu của mình đối với việc giải quyết vụ án. Bởi vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị An kết hôn với anh Phạm Văn Điều vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phan Bội C nên quan hệ hôn nhân giữa chị An và anh Điều là hợp pháp.

[3] Về căn cứ cho ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng ngay thời gian đầu đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và không có hạnh phúc. Từ tháng 06 năm 2016 chị An phải bỏ về nTrinh bố mẹ đẻ sống, vợ chồng ly thân nhau, không ai quan tâm tới ai.

Bản thân anh Điều cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ hai năm trở lại đây. Tuy nhiên, anh Điều vẫn mong muốn vợ chồng Trinhnh gắn, tạo điều kiện cho anh tự sửa chữa sai lầm để vợ chồng được đoàn tụ, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy anh Điều đã nhiều lần có Trinhnh vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Việc chị An yêu cầu được ly hôn với anh Điều là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị An và anh Điều có 01 con chung là Nguyễn Diệu Anh, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2013. Ly hôn, chị An và anh Điều đều cùng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng tTrinhnh, đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu đó là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với đạo lý và đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, xét hoàn cảnh thực tế thì chị An có nhiều điều kiện thuận lợi hơn anh Điều trong việc nuôi dạy con chung. Chị An có nơi ở, có việc làm và thu nhập ổn định. Mặt khác, con chung là cháu Nguyễn Diệu Anh mới 04 tuổi, bản thân là đứa trẻ chậm phát triển trí tuệ, thường xuyên phải đi bệnh viện và phẫu thuật nhưng đến nay vẫn không thể nói được. Cháu còn phải tiếp tục điều trị nên rất cần có tình thương và sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo cho con chung có đời sống tinh thần, tình cảm, điều kiện vật chất cũng như đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện cho cháu một cách tốt nhất. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, giao con chung cho mẹ cháu là chị An trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Anh Điều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu anh Điều lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị An có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh Điều theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 .

[5] Về tài sản chung: Chị An đề nghị để các bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Điều không có yêu cầu gì về phân chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem

xét giải quyết. Các bên sẽ tự giải quyết với nhau, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị An phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009579, ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi Trìnhnh án dân sự quận Hồng Bàng, tTrìnhnh phố Hải Phòng. Chị An đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị An được ly hôn anh Phạm Văn Điều.
2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Diệu Anh, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị An trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng tTrìnhnh, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị An có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh Điều nếu anh Điều lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị An phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009579, ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi Trìnhnh án dân sự quận Hồng Bàng, tTrìnhnh phố Hải Phòng. Chị An đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết đối với nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường Phan Bội C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Trung Dũng

